

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 19: từ ngày 22/12/2025 đến ngày 28/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2 KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2 KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2 KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2 KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2 KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 PP thí nghiệm (Hằng) 3	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 4	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	Luật thú y (Nga) 2 Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2 Luật thú y (Nga) 2
	Sáng					KTTG (Nga) 4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1 Luật thú y (Nga) 3	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2 VSV - TN (Duyên) 2	
K11-KTDN P.E305	Sáng		Lý thuyết KT (Q.Mai) 2 Anh văn CN (Phiên) 2		Anh văn CN (Phiên) 2	Lý thuyết KT (Q.Mai) 2
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thủy)</i> 1 KTNSXP (Hoa) 3				
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 3	Bệnh cây CK (Hương) 2 Phòng trừ dịch hại (Triệu) 2		Cây rau (Huệ) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Đất trồng phân bón (Hương) 3	Khuyến nông (Huệ) 2 Côn trùng đại cương (Hương) 2	Côn trùng đại cương (Hương) 4		Khuyến nông (Huệ) 4
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 Sinh lý TV (Huệ) 3	Côn trùng đại cương (Lịch) 4	Côn trùng đại cương (Lịch) 2 Khuyến nông (Thọ) 2		Khuyến nông (Thọ) 4
	Chiều					
Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1						
LN65A	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Vườn ươm cây giống (Hùng) 3	Vườn ươm cây giống (Hùng) 4	Vườn ươm cây giống (Hùng) 4		QLKT hộ trang trại (Hoa) 2 Đất trồng phân bón (Hương) 2
	Chiều					
Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1						
CN64A1 P.E203	Sáng				KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2 Ký sinh trùng (Phượng) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 4	KTNPTB cho lợn (Hùng) 4	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 4

CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> KTTG (Quyên)	1 3	GD chính trị (Tài)	2	Dược lý thú y (Lệ)	4	GDTC (Thúy)	2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4
	Chiều							Pháp luật (Huyền)	2		
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> GD chính trị (Quế)	1 3	Dược lý thú y (Duyên)	4	Pháp luật (Nga)	2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2	Dược lý thú y (Duyên)	4
	Chiều					KTTG (Nga)	2	KTTG (Nga)	2		
CN65A4 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> Dược lý thú y (Lệ)	1 3	Dược lý thú y (Lệ)	2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	DD thức ăn (Nga)	2	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều			GD chính trị (Quế)	2			Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2		
KTDN64A1 P.E202	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> TH KT trong DNSX (T.Thảo)	1 3			Thuế (P.Thảo)	4	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4
KTDN64A2 P.E204	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> KTNSXP (Hoa)	1 3			TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	Thuế (P.Thảo)	4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> Kinh tế vi mô (Thuý)	1 3	Lý thuyết KT (Q.Mai)	2	Tiếng anh (Linh)	2	Nguyên lý Thống kê (Hoa)	2	Lý thuyết KT (Q.Mai)	2
	Chiều			Tiếng anh (Linh)	2	GDTC (Hội)	2	GD chính trị (Quế)	2	Tiếng anh (Linh)	2
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> Tiếng anh (K.Nhung)	1 3	Lý thuyết KT (P.Thảo)	2	Nguyên lý thống kê (Hoa)	2	Kinh tế vi mô (Thuý)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2
	Chiều			Pháp luật (Huyền)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	GD chính trị (Thắm)	2	Kinh tế vi mô (Thuý)	2
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> XD và QL Website (Quang)	1 3	Lập trình Windown (Thảo)	4	QTCSDL với Access (Phương)	4			XDPM Quản lý bán hàng (Hà)	4
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> Lập trình Windown (Thảo)	1 3	HHH Windows Server (Tâm)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4			XD và QL Website (Quang)	4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> Bảng tính Excel (Hà)	1 3	Tin học VP (Tâm)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	Tin học VP (Tâm)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều					Tiếng anh (K.Nhung)	2				
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> Tin học VP (Phương)	1 3	Bảng tính Excel (Hà)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4	GD chính trị (Quế)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2
	Chiều							Tiếng anh (Linh)	2	GD chính trị (Quế)	2

ĐCN64A1 P.E103	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuần)</i> 1 Cung cấp điện (Tuần) 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	KT điện tử (P.Anh) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Trang bị điện (Nga) 4	
ĐCN64A2 P.E104	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	KT điện tử (P.Anh) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Cung cấp điện (Tuần) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	
ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	KT điện tử (Tuần) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Cung cấp điện (Tuần) 4	
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 3	Cung cấp điện (Đ.Đức) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 2 Kỹ thuật điện tử (Dương) 2	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1 Tiếng anh (Phiên) 3	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Tiếng anh (Phiên) 3	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (Phiên) 2	
	Chiều		Tiếng anh (Phiên) 3			Mạch điện (Huyền) 4	
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> 1 Tiếng anh (T.Nhung) 3	Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 4	Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 3	An toàn điện (Hoà) 4	Pháp luật (Huyền) 3	
	Chiều		An toàn điện (Hoà) 4				
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> 1 Vẽ KT điện (N.Đức) 3	Tin học (Quang) 4	An toàn điện (Hoà) 2 Mạch điện (Dương) 2	Tin học (Quang) 4	Mạch điện (Dương) 4	
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> 1 Mạch điện (H.Anh) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Vật liệu (P.Anh) 2	Vật liệu (P.Anh) 2 Tiếng anh (Linh) 2	Tiếng anh (Linh) 2 Mạch điện (H.Anh) 2	Tiếng anh (Linh) 2 Mạch điện (H.Anh) 2	
	Chiều						
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1 Tiếng anh (K.Nhung) 3	Mạch điện (Huyền) 2 Khí cụ điện (Nga) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	Khí cụ điện (Nga) 2 Mạch điện (Huyền) 2	
	Chiều						
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 TL cơ sở (Huyền) 3	Tin học (Quang) 4	TL cơ sở (Huyền) 4	Tin học (Quang) 4	Vật liệu (N.Đức) 4	
	Chiều						
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> 1 THKT trong DNSX (Mai) 3			Kế toán DN2 (Dung) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4	

KTDN65B	Sáng	Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1	Tin học (Quang)	4	Kinh tế vi mô (Thủy)	4	Tin học (Quang)	4	Kỹ năng mềm (Dung)	4		
	Chiều	Nguyên lý thống kê (Mai)	3										
CBBQ64	Sáng												
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Phụ gia TP (Liên)	3	Kỹ thuật điện (Năm)	3	Phụ gia TP (Liên)	3	Kỹ thuật điện (Năm)	3		
CBBQ65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Tin học (Quang)	4	An toàn lao động (Liên)	3	Tin học (Quang)	4	An toàn lao động (Liên)	3		
	Chiều	KT lạnh cơ sở (Năm)	3										
KTMTT64	Sáng												
	Chiều			Sinh hoạt lớp (Năm)	1	BD, SC thiết bị trên boong	3	Khai thác nổi hơi TT	3	BD, SC thiết bị trên boong	3		
KTMTT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm)	1	Tin học (Quang)	4	Lý thuyết tàu (Trung)	4	Tin học (Quang)	4	Dung sai và KT đo (Đông)	4		
	Chiều	Lý thuyết tàu (Trung)	3										
NTTS64	Sáng												
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Vận chuyển ĐVTS (Năm)	4	Nuôi cua thương phẩm	4	Vận chuyển ĐVTS (Năm)	4	Nuôi cua thương phẩm	4		
ĐKTB65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ánh)	1	Tin học (Quang)	4	Lý thuyết tàu (Trung)	4	Tin học (Quang)	4	An toàn LĐ hàng hải (Ánh)	4		
	Chiều	Lý thuyết tàu (Trung)	4										
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN													
THỨ		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật			
LỚP	Sáng									Sinh hoạt lớp (Lịch)		1	
	Chiều									Cây dược liệu (Bình)		4	
TT64A2	Sáng									Cây rau (Huệ)		4	
	Chiều												
TT64A3	Sáng					Sinh hoạt lớp (Huệ)				1	Thủy nông (Lịch)	4	
	Chiều					Khuyến nông (Thọ)				4			
TT65A2	Sáng					Khuyến nông (Thọ)				4	Thủy nông (Lịch)	4	
	Chiều												
P.B204	Sáng	Khuyến nông (Triệu)				4	Sinh hoạt lớp (Phượng)				1	KTNPTB cho lợn	4
	Chiều						VSV và bệnh TN (Phượng)				4	(Hưng)	
CN64A2	Sáng	Khuyến nông (Triệu)				4	Dược lý thú y (Duyên)				4	KTNPTB cho gà vịt (Quyên)	4
	Chiều												
CN65A2	Sáng												
	Chiều												
P.B205	Sáng												
	Chiều												

K9-ĐCN	Sáng		Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)	1	Cơ kỹ thuật (Dương)	4
	Chiều		Máy biến áp (Đ.Đức)	4		
			Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Dương)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 22/12/2025 đến ngày 28/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	<i>HĐTN (Nhưng)</i> 1 GDKT và PL (Đ. Thuý) 3	Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	CD Địa lý (Thuý) 2 CD Lịch sử (Hà) 2	GDKT và PL (Đ. Thuý) 4	<i>Toán (Nhưng)</i> 4
	Chiều		CD Lịch sử (Hà) 4	<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 4	<i>GDKT và PL (Đ. Thuý)</i> 4	
VH63B3 P.B302	Sáng	<i>HĐTN (Hà)</i> 1 Toán (L.Anh) 3	Lịch sử (Dự) 2 CD Địa lý (Phượng) 2	CD Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	<i>Toán (Lan Anh)</i> 4	CD Ngữ văn (Hằng) 2 Ngữ văn (Hằng) 2
	Chiều		<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	GDKT và PL (Quế) 2 CD Địa lý (Phượng) 2	<i>GDKT và PL (Quế)</i> 4
VH63B4 P.B303	Sáng	<i>HĐTN (Dự)</i> 1 Lịch sử (Dự) 3	Toán (Nhưng) 2 Địa lý (Lực) 2	Toán (Nhưng) 2 CD Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Lực) 2 Sinh học (Phượng) 2	Sinh học (Phượng) 2 Hoá học (Vân) 2
	Chiều		<i>Toán (Nhưng)</i> 4	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 4
VH63B6 P.B304	Sáng	<i>HĐTN (Hoà)</i> 1 Ngữ văn (Hường) 3	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Tài) 2	<i>GDKT và PL (Tài)</i> 4	Vật lý (Hoà) 2 CD Địa lý (Lực) 2	CD Lịch sử (Lý) 2 GDKT và PL (Tài) 2
	Chiều	<i>Toán (Nhưng)</i> 4	<i>Lịch sử (Lý)</i> 4	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 4	Hoá học (Vân) 2	
VH63B7 P.B305	Sáng	<i>HĐTN (Nga)</i> 1 Địa lý (Ngọc) 3	<i>Địa lý (Ngọc)</i> 4	Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2	GDKT và PL (Nga) 2 CD Ngữ văn (H.Hà) 2	CD Ngữ văn (H.Hà) 2 CD Lịch sử (Lý) 2
	Chiều		<i>GDKT và PL (Nga)</i> 4		<i>Toán (Quý)</i> 4	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 4
VH63B8 P.B301	Sáng	<i>HĐTN (K.Nhung)</i> 1 Toán (Quý) 3	Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 CD Lịch sử (Dự) 2	CD Lịch sử (Dự) 2 CD Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Lực) 2 Ngữ văn (Hường) 2
	Chiều	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 4		<i>Ngữ văn (Hường)</i> 4	<i>Toán (Quý)</i> 4

VH64B1	Sáng	<i>HĐTN (Hằng)</i> 1 CD Địa lý (Thuý) 3	Hoá học (Doan) 2 CD Ngữ văn (Hằng) 2	CD Ngữ văn (Hằng) 2 CD Địa lý (Thuý) 2	CD Ngữ văn (Hằng) 4	
	Chiều		Hoá học (Doan) 4			
VH64B3 P.B306	Sáng	<i>HĐTN (Vân)</i> 1 CD GDKT và PL (Quyên) 3	Vật lý (Hoà) 2 Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Dương) 2 CD Ngữ văn (Hường) 2	CD Địa lý (Thuý) 4	CD Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2
VH64B4 P.E201	Sáng	<i>HĐTN (H.Nga)</i> 1 CD Địa lý (Nga) 3	CD GDKT và PL (Thắm) 2 Toán (Nhưng) 2	CD Ngữ văn (Hà) 4	CD GDKT và PL (Thắm) 2 Toán (Nhưng) 2	CD Địa lý (Nga) 2 CD GDKT và PL (Thắm) 2
VH64B5 P.E202	Sáng	<i>HĐTN (Dương)</i> 1 Vật lý (Hoà) 3	CD Ngữ văn (Chi) 4	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	CD Ngữ văn (Chi) 4	CD Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Hà) 2
VH64B6 P. E204	Sáng	<i>HĐTN (H. Hà)</i> 1 CD Địa lý (Lực) 3	Sinh học (Phượng) 2 Toán (Quý) 2	Toán (Quý) 2 Hoá học (Hà) 2	Hoá học (Hà) 2 Lịch sử (Hằng) 2	
VH64B8 P.E203	Sáng	<i>HĐTN (Phiên)</i> 1 Ngữ văn (Lý) 3	Hoá học (Vân) 2 CD Lịch sử (Dự) 2	Hoá học (Vân) 2 Địa lý (Lực) 2		CD Lịch sử (Dự) 2 CD Địa lý (Lực) 2
VH65B1	Chiều	<i>HĐTN (Thuý)</i> 1 Vật lý (Sơn) 3	CD GDKT và PL (Thuý) 4	CD Lịch sử (Hà) 4	CD Ngữ văn (Hằng) 4	Toán (Hương) 4
VH65B2 P.E302	Chiều	<i>HĐTN (Quyên)</i> 1 CD GDKT và PL (Quyên) 3		Vật lý (Hoà) 2 CD GDKT và PL (Quyên) 2	Vật lý (Hoà) 2 Hóa học (Hà) 2	
VH65B3 P.E301	Chiều	<i>HĐTN (Quý)</i> 1 Vật lý (Trung) 3	CD Lịch sử (Dự) 2 CD GDKT và PL (Thắm) 2	CD Ngữ văn (Lý) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	CD Ngữ văn (Lý) 4	Hoá học (Vân) 2 CD GDKT và PL (Thắm) 2
VH65B4 P.E101	Chiều	<i>HĐTN (Mạnh)</i> 1 CD Ngữ văn (Chi) 3	Địa lý (Lực) 2	CD Lịch sử (Hằng) 2 CD GDKT và PL (Nga) 2	Địa lý (Lực) 2 CD GDKT và PL (Nga) 2	CD lịch sử (Hằng) 2 CD Ngữ văn (Chi) 2
VH65B5 P.B205	Chiều	<i>HĐTN (Lực)</i> 1 Vật lý (Hoà) 3	CD Ngữ văn (Hà) 4	CD GDKT và PL (Nga) 2 CD Lịch sử (Hằng) 2	CD Lịch sử (Hằng) 2 CD Ngữ văn (Hà) 2	GDKT và PL (Nga) 2 Vật lý (Hoà) 2

VH65B6 P.B204		HĐTN (Linh)	1	CĐ Ngữ văn (Chi)	2	CĐ GDKT và PL (Thắm)	2	Ngữ văn (Chi)	2	GDKT và PL (Thắm)	2
	Chiều	Sinh học (Phượng)	3	Toán (L.Anh)	2	Toán (L.Anh)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	CĐ lịch sử (Hằng)	2
VH65B7 P.B104		HĐTN (Phượng)	1	Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	4	CĐ Địa lý (Phượng)	2	Địa lý (Phượng)	2
	Chiều	Ngữ văn (Lý)	3	CĐ Địa lý (Phượng)	2			Lịch sử (Hằng)	2	Sinh học (Phượng)	2
VH65B8 P.B202		HĐTN (Hường)	1	Toán (L.Anh)	2	Toán (L.Anh)	2	CĐ GDKT và PL (Quyên)	4	CĐ Địa lý (Lực)	2
	Chiều	CĐ Ngữ văn (Hường)	3	CĐ Địa lý (Lực)	2	CĐ GDKT và PL (Quyên)	2			Hoá học (Hà)	2
VH65B9 P.B203		HĐTN (Hong)	1	Sinh học (Hong)	2	CĐ Ngữ văn (Chi)	4	CĐ Địa lý (Phuong)	2	CĐ Ngữ văn (Chi)	2
	Chiều	CĐ GDKT và PL (Thắm)	3	CĐ Ngữ văn (Chi)	2			CĐ Ngữ văn (Chi)	2	CĐ Địa lý (Phuong)	2
VH65B10 P.B103		HĐTN (Thắm)	1	CĐ GDKT và PL (Thắm)	2	CĐ Địa lý (Thuỷ)	4			Ngữ văn (Lý)	4
	Chiều	Sinh học (Hong)	3	Ngữ văn (Lý)	2						
VH65B11 P.B201	Sáng							Sinh học (Hong)	2		
	Chiều	HĐTN (Quế)	1	Ngữ văn (Hà)	2	CĐ Ngữ văn (Hà)	4	Ngữ văn (Hà)	2	CĐ Địa lý (Nga)	2
		GDKT và PL (Quế)	3	Toán (Dương)	2			Địa lý (Nga)	2	Hoá học (Vân)	2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu